

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 27/ 08/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN – TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Tác

2. Ông Triệu Quốc Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Tòa nhà C, số B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng A, chi nhánh B. Địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện: Bà Đỗ Thị Thanh H – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Duy Đ – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách phòng Giao dịch C, Ngân hàng A, Chi nhánh B. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th.

Địa chỉ cư trú: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Duy Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/4/2018, Ngân hàng A – Chi nhánh B – Phòng giao dịch C và bà Lành Thị H, Lành Thị Th có ký hợp đồng tín dụng số: HDTD 2632018082 ngày 16/4/2018 với nội dung cho bà Lành Thị H, Lành Thị Th vay số tiền: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); mục đích vay để sửa chữa nhà ở và mua sắm trang thiết bị; thời hạn vay 120 tháng được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay); lãi suất cho vay trong hạn theo hợp đồng là 10,25%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày 27/11/2018, Ngân hàng A – Chi nhánh B – Phòng giao dịch C và bà Lành Thị H, Lành Thị Th tiếp tục ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD 2632018281 ngày 27/11/2018 với nội dung cho bà Lành Thị H, Lành Thị Th vay số tiền: 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*); mục đích vay để mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình; thời hạn vay 11 tháng từ ngày 28/11/2018 đến hết ngày 27/10/2019; lãi suất cho vay trong hạn theo hợp đồng là 10,55%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản thế chấp cho hai khoản vay trên là Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bà Lành Thị H, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 020/2018/HĐTC/PGDChoDon ngày 16/4/2018 đã ký giữa Ngân hàng và bà Lành Thị H, bà Lành Thị Th. Thế chấp Giá trị quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI 605889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 06/4/2018; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 01075; Cấp cho bà Lành Thị H. Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp IV, 01 tầng, diện tích 90m², kết cấu tường gạch mái bằng đã cũ. Giá trị theo Hợp đồng thế chấp là: 750.000.000đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*) theo văn bản định giá ngày 12/4/2018. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Sau khi ký hai hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bà H, bà Th như sau:

- Giải ngân số tiền: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) vào ngày 20/4/2018, theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 263018082/001 này 16/4/2018.

- Giải ngân số tiền: 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 27/11/2018, theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD 2632018281 ngày 27/11/2018.

Quá trình trả nợ, bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th đã trả nợ được như sau:

* Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD 2632018082 ngày 16/04/2018 (khoản vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng):

- Ngày 20/07/2018 bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th trả 12.778.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền nợ lãi.

- Ngày 20/10/2018 bà Lành Thị H trả nợ gốc với số tiền là: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và trả lãi với số tiền là: 14.556.164 đồng (Mười bốn triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

- Ngày 28/01/2019 trả số tiền nợ lãi là: 14.004.673 đồng (Mười bốn triệu không trăm không bốn nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

- Ngày 22/5/2019 trả số tiền nợ lãi là: 13.856.884 đồng (Mười ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi tư đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” tại Tòa án. Ngày 01/05/2020, bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th đã trả được khoản tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Số tiền này đã được Ngân hàng thực hiện cắt vào phần gốc quá hạn khoản vay của bà Lành Thị H và Lành Thị Th.

+ Đến nay, bà H và bà Th còn dư nợ số tiền như sau: Nợ gốc: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng), Nợ lãi: 68.360.221 đồng (Sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi một đồng), Lãi phạt gốc: 8.530.541 đồng (Tám triệu năm trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng), Lãi phạt lãi: 3.961.160 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn một trăm sáu mươi đồng). Tổng số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử bao gồm cả nợ gốc, lãi, lãi phạt gốc, lãi phạt lãi là 505.851.922 đồng (Năm trăm linh năm triệu tám trăm năm mươi một nghìn chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

* Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD 263018281 (khoản vay 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng):

- Ngày 28/01/2019 bà H và bà Th trả 398.000 đồng (Ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) nợ lãi.

- Ngày 22/05/2019 bà H và bà Th trả 643.116 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn một trăm mười sáu nghìn đồng) nợ lãi.

+ Đến nay, bà H và bà Th còn dư nợ số tiền như sau: Nợ gốc: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), Nợ lãi: 1.495.291 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi một đồng), Lãi phạt gốc: 3.259.965 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng), Lãi phạt lãi: 144.481 đồng (Một trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi một đồng). Tổng số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử bao gồm cả gốc, lãi, lãi phạt

gốc, lãi phạt lãi là 29.899.737 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng).

Do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 30/4/2019 và chuyển nợ xấu vào ngày 20/7/2019.

Tại phiên tòa, Ngân hàng A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn giải quyết những vấn đề sau đây đối với các bị đơn:

* Yêu cầu buộc bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với hai hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng số tiền tính đến ngày 27/8/2020 như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD 2632018082 ngày 16/04/2018:

+ Nợ gốc: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng);

+ Nợ lãi: 68.360.221 đồng (Sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi một đồng);

+ Lãi phạt gốc: 8.530.541 đồng (Tám triệu năm trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng);

+ Lãi phạt lãi: 3.961.160 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn một trăm sáu mươi đồng);

Tổng: 505.851.922 đồng (Năm trăm linh năm triệu tám trăm năm mươi một nghìn chín trăm hai mươi hai đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD2632018281 ngày 27/11/2018:

+ Nợ gốc: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);

+ Nợ lãi: 1.495.291 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm chín một đồng);

+ Lãi phạt gốc: 3.259.965 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng);

+ Lãi phạt lãi: 144.481 đồng (Một trăm mười bốn nghìn bốn trăm tám mươi một đồng);

Tổng: 29.899.737 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng).

Tổng số tiền phải thanh toán cho cả hai hợp đồng bao gồm nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt gốc, lãi phạt lãi là: 535.751.659 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi một nghìn sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Lành Thị H và Lành Thị Th phải chịu lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi hết nợ gốc.

Trường hợp bà Th, bà H không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng, thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn là bà Lành Thị H và Lành Thị Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến cho Tòa án.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn thì trên diện tích đất 202,0m²; số thửa 388, số tờ bản đồ 20 ở tổ A, thị trấn B, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn có 01 căn nhà ở cấp IV, xây năm 1999. Hiện trạng tài sản không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn không có mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt gốc, lãi phạt lãi của cả hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử là 535.751.659 đồng (*Năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi một nghìn sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà H, bà Th không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 202,0m²; số thửa 388, số tờ bản đồ 20 ở tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th phải chịu theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng A với bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn bà H và bà Th không có yêu cầu phản tố, Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

[2]. Về áp dụng pháp luật:

Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2018, quan hệ tranh chấp là hợp đồng tín dụng nên áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi, lãi phạt gốc, lãi phạt lãi.

Căn cứ các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: HĐTD 2632018082 ngày 16/4/2018 Ngân hàng đã cho bà Lành Thị H, Lành Thị Th vay số tiền: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); mục đích vay để sửa chữa nhà ở và mua sắm trang thiết bị; thời hạn vay 120 tháng được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay); lãi suất cho vay trong hạn theo hợp đồng là 10,25%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HĐTD 2632018281 ngày 27/11/2018 với nội dung cho bà Lành Thị H, Lành Thị Th vay số tiền: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); mục đích vay để mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình; thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 28/11/2018 đến hết ngày 27/10/2019; lãi suất cho vay trong hạn theo hợp đồng là 10,55%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Quá trình vay vốn đến nay, bà H và bà Th nhiều kỳ không thanh toán nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng hoặc có thanh toán nhưng không đúng thời hạn. Tính đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử, bà H và bà Th đã thanh toán được nợ gốc và nợ lãi đối với hai hợp đồng tín dụng như sau:

+ Đối với HĐTD 2632018082 ngày 16/4/2018, tổng tiền nợ gốc mà bà H và bà Th đã thanh toán là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), tổng tiền nợ lãi là: 55.195.721 đồng (Năm mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi một đồng).

+ Đối với HĐTD 2632018281 ngày 27/11/2018, tổng tiền nợ lãi mà bà H và bà Th đã thanh toán là 1.041.116 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm mười sáu đồng).

Do bà H và bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ của bà H và bà Th là có căn cứ, phù hợp với quy định của Pháp luật tại các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà H và bà Th thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt gốc, lãi phạt lãi tính đến ngày 27/8/2020 cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD 2632018082 ngày 16/04/2018:

+ Nợ gốc: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng);

+ Nợ lãi: 68.360.221 đồng (Sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi nghìn hai trăm hai mươi một đồng);

+ Lãi phạt gốc: 8.530.541 đồng (Tám triệu năm trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng);

+ Lãi phạt lãi: 3.961.160 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn một trăm sáu mươi đồng);

Tổng: 505.851.922 đồng (Năm trăm linh năm triệu tám trăm năm mươi một nghìn chín trăm hai mươi hai đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD2632018281 ngày 27/11/2018:

+ Nợ gốc: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);

+ Nợ lãi: 1.495.291 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm chín một đồng);

+ Lãi phạt gốc: 3.259.965 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng);

+ Lãi phạt lãi: 144.481 đồng (Một trăm mười bốn nghìn bốn trăm tám mươi một đồng);

Tổng: 29.899.737 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng).

Tổng số tiền phải thanh toán cho cả hai hợp đồng là: 535.751.659 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi một nghìn sáu trăm năm chín đồng).

Ngoài ra, bà H và bà Th còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

[3.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 020/2018/HĐTC/PGD Chợ Đồn giữa Ngân hàng với bà H và bà Th đối với quyền sử dụng đất diện tích 202,0m²; số thửa 388, số tờ bản đồ 20 tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

- cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được hình thành trước ngày xác lập hợp đồng, được công chứng tại Phòng công chứng số 2 tỉnh B và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bắc Kạn có hiệu lực theo quy định của Pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 299, 323 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với Giá trị quyền sử dụng đất - diện tích 202,0 m²; số thửa 388, số tờ bản đồ 20 ở tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là: 01 nhà cấp IV, 01 tầng, diện tích 90m², kết cấu tường gạch mái bằng đã cũ trong trường hợp bà H và bà Th không trả được nợ.

[4]. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), bà H và bà Th phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng trước số tiền này nên bà H và bà Th phải trả lại cho Ngân hàng A số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H và bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 535.751.659 đồng: 20.000.000 đồng + 4% x 135.751.659 đồng = 25.430.066 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

Trả lại cho Ngân hàng 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 227, 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ các Điều 280, 284, 293, 295, 296, 299, 303, 304, 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng A đối với các Bị đơn bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” .

1. Buộc bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng A thông qua phòng Giao dịch C, Ngân hàng A, Chi nhánh B nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt gốc, lãi phạt lãi với tổng số tiền là 535.751.659 đồng (Năm trăm ba mươi

lăm triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng) của 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD 2632018082 ngày 16/04/2018:
 - + Nợ gốc: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng);
 - + Nợ lãi: 68.360.221 đồng (Sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi mốt đồng);
 - + Lãi phạt gốc: 8.530.541 đồng (Tám triệu năm trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng);
 - + Lãi phạt lãi: 3.961.160 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm sáu mươi đồng);

Tổng: 505.851.922 đồng (Năm trăm linh năm triệu tám trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm hai mươi hai đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD2632018281 ngày 27/11/2018:
 - + Nợ gốc: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
 - + Nợ lãi: 1.495.291 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm chín mốt đồng);
 - + Lãi phạt gốc: 3.259.965 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng);
 - + Lãi phạt lãi: 144.481 đồng (Một trăm mười bốn nghìn bốn trăm tám mươi mốt đồng);

Tổng: 29.899.737 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th không thanh toán được nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 202,0 m²; số thửa 388, số tờ bản đồ 20 ở tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 605889 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Lành Thị H, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CS 01075 ngày 06/04/2018 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là: 01 nhà cấp IV, 01 tầng, diện tích 90m², kết cấu tường gạch mái bằng đã cũ.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th phải chịu. Do Ngân hàng A đã tạm ứng trước số tiền này nên bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th phải trả lại cho Ngân hàng A số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lành Thị H và bà Lành Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 25.430.066 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 06199 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 01
- VKS huyện CĐồn 01
- VKS tỉnh Bắc Kạn 01
- THADS huyện CĐồn 01
- Các đương sự 03
- Lưu hồ sơ 01
- Lưu vp 01

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Đình Hưng